

ỦY BAN NHÂN DÂN
TỈNH QUẢNG TRỊ
Số: **887** /QĐ-UBND

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
Quảng Trị, ngày **17** tháng **3** năm 2026

QUYẾT ĐỊNH
Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của
Dự án Khu đô thị mới Lương Ninh

CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH QUẢNG TRỊ

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16 tháng 6 năm 2025

Căn cứ Luật Bảo vệ môi trường ngày 17 tháng 11 năm 2020 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của 15 Luật trong lĩnh vực nông nghiệp và môi trường;

Căn cứ Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 và Nghị định số 48/2026/NĐ-CP ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Căn cứ Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28 tháng 02 năm 2025 và Thông tư số 09/2026/TT-BNNMT ngày 29 tháng 01 năm 2026;

Xét đề nghị phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường của Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản TASECO và Công ty TNHH Đầu tư Địa Trung Hải tại Công văn số 125/2026/CV-TASECOLAND-ĐTH ngày 05 tháng 3 năm 2026 và hồ sơ kèm theo;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Nông nghiệp và Môi trường tại Tờ trình số 254/TTr-SNNMT ngày 06 tháng 3 năm 2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án Khu đô thị mới Lương Ninh (sau đây gọi là Dự án) của Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản TASECO và Công ty TNHH Đầu tư Địa Trung Hải (sau đây gọi là Chủ dự án) thực hiện tại xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị với các nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường ban hành kèm theo Quyết định này.

Điều 2. Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện quy định tại Điều 37 Luật Bảo vệ môi trường, Điều 27 Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 9 Điều 1 Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký ban hành.

Chánh Văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Nông nghiệp và Môi trường, Xây dựng, Chủ tịch UBND xã Quảng Ninh; Giám đốc Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản TASECO và Giám đốc Công ty TNHH Đầu tư Địa Trung Hải; Thủ trưởng các sở, ban, ngành, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và Môi trường;
- CT, các PCT UBND tỉnh;
- CVP, PCVP Nguyễn Cửu;
- Công thông tin điện tử tỉnh;
- Lưu: VT, NNMT. *PC*

**KT. CHỦ TỊCH
PHÓ CHỦ TỊCH**



Hoàng Nam

PHỤ LỤC
CÁC NỘI DUNG, YÊU CẦU VỀ BẢO VỆ MÔI TRƯỜNG
CỦA DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ MỚI LƯƠNG NINH
(kèm theo Quyết định số **887/QĐ-UBND** ngày **17 tháng 3** năm 2026
của UBND tỉnh Quảng Trị)

1. Thông tin về dự án

1.1. Thông tin chung

- Tên dự án: Khu đô thị mới Lương Ninh.
- Địa điểm thực hiện: Xã Quảng Ninh, tỉnh Quảng Trị.
- Chủ dự án: Liên danh Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản TASECO và Công ty TNHH Đầu tư Địa Trung Hải.
- Địa chỉ Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản TASECO: Tầng 1, Tòa nhà NO2-T1, Khu Đoàn Ngoại Giao, đường Xuân Tảo, phường Xuân Đinh, thành phố Hà Nội.
- Địa chỉ Công ty TNHH Đầu tư Địa Trung Hải: 58 Nguyễn Thái Học, phường Đồng Hới, tỉnh Quảng Trị.

1.2. Quy mô, công suất của dự án

Dự án Khu đô thị mới Lương Ninh với tổng diện tích khoảng 351.067,97m² với quy mô dân số khoảng 2.824 người. Ranh giới tọa độ khép góc của Dự án được giới hạn bởi các điểm, có tọa độ VN2000 kinh tuyến trực 106°, múi chiều 3° như sau:

TT	X(m)	Y(m)	TT	X(m)	Y(m)
1	1928168,8544	566353,3095	22	1928162,6590	566435,5212
2	1928250,1853	566496,3574	23	1928136,9282	566390,2349
3	1928345,9106	566588,0900	24	1928127,3884	566387,6148
4	1928558,6090	566620,3704	25	1928153,4804	566371,3971
5	1928568,6500	566645,1004	26	1928524,2757	566991,2330
6	1928565,5579	566651,9815	27	1928505,0285	567131,8319
7	1928533,9245	566897,1224	28	1928422,0757	567149,0171
8	1928526,6055	566974,0468	29	1928312,4742	567178,4915
9	1928514,1060	566979,2358	30	1928308,1308	567184,5637
10	1928509,4273	566978,0547	31	1928314,5979	567244,7768
11	1928483,3094	566986,8390	32	1928320,0104	567248,6526
12	19280091839	567146,2067	33	1928287,7624	567256,4927
13	1927985,6919	567057,5770	34	1928292,0401	567250,2081
14	1927989,1501	567051,1507	35	1928284,8970	567189,8035
15	1928066,6458	567025,0988	36	1928279,5236	567186,3434
16	1928012,4826	566860,2741	37	1928032,1370	567256,8309
17	1928064,5569	566836,9641	38	1928028,4388	567238,3521
18	1928023,7004	566745,6910	39	1928012,1405	567176,8675

TT	X(m)	Y(m)	TT	X(m)	Y(m)
19	1927929,0129	566788,0761	40	1928015,6093	567170,4215
20	1927901,2420	566590,8647	41	1928504,8594	567005,2010
21	1928161,1697	566440,9970			

1.3. Các hạng mục công trình và hoạt động của Dự án đầu tư

1.3.1. Các hạng mục công trình của Dự án

- Đầu tư xây dựng hoàn thiện công trình hạ tầng kỹ thuật toàn bộ khu vực thực hiện dự án (San nền; đường giao thông; bãi đỗ xe; cấp nước; phòng cháy chữa cháy; thoát nước mưa; thoát nước thải và vệ sinh môi trường; cấp điện sinh hoạt, điện chiếu sáng; công viên cây xanh, mặt nước; thông tin liên lạc,...).

- Đầu tư xây dựng công trình thương mại dịch vụ; công trình nhà văn hóa; trạm y tế; trường mầm non; khu thể dục thể thao với mật độ xây dựng, hệ số sử dụng đất, chiều cao công trình thực hiện theo quy hoạch chi tiết được phê duyệt.

- Phân công trình nhà ở, đất ở:

+ Xây thô, hoàn thiện mặt ngoài khoảng 139 căn nhà ở liền kề, nhà ở kết hợp kinh doanh; khoảng 74 căn nhà ở biệt thự song lập;

+ Chuyển nhượng quyền sử dụng đất cho người dân tự xây nhà ở theo thiết kế mẫu được duyệt sau khi đầu tư hoàn chỉnh phần hạ tầng kỹ thuật và đáp ứng các quy định hiện hành khoảng 409 lô đất.

+ Quỹ đất ở phục vụ đền bù, tái định cư khoảng 84 lô đất ở phục vụ đền bù, tái định cư.

- Các hạng mục công trình xử lý chất thải và bảo vệ môi trường gồm: khu lưu chứa tập kết rác tạm thời, hệ thống thu gom thoát nước mưa, hệ thống xử lý nước thải công suất 600 m³/ngày đêm gồm 4 module.

1.3.3. Các hoạt động của Dự án

- Hoạt động đền bù, giải phóng mặt bằng.
- Hoạt động san nền, đào đắp.
- Hoạt động vận chuyển phục vụ dự án.
- Hoạt động của máy móc thiết bị thi công cơ giới.
- Hoạt động sinh hoạt của công nhân trên công trường.
- Hoạt động thi công các hạng mục công trình của dự án.
- Hoạt động của dân cư trong khu vực dự án.
- Hoạt động vận hành của Khu đô thị.

1.4. Các yếu tố nhạy cảm về môi trường

Dự án có chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa nước 02 vụ để thực hiện dự án là yếu tố nhạy cảm về môi trường theo quy định tại Nghị định 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ Quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi

trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 6/1/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/1/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường.

2. Hạng mục công trình và hoạt động của dự án đầu tư có khả năng tác động xấu đến môi trường

- Giai đoạn thi công xây dựng: Quá trình giải phóng mặt bằng, đào đắp, san nền, hoạt động vận chuyển phục vụ dự án; thi công các hạng mục công trình và sinh hoạt của công nhân trên công trường... làm phát sinh tiếng ồn, bụi, khí thải, nước thải xây dựng, nước thải sinh hoạt, nước mưa chảy tràn cuốn theo chất bẩn bề mặt, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn xây dựng, chất thải rắn thông thường khác, chất thải nguy hại.

- Giai đoạn vận hành: Hoạt động vận hành các hạng mục công trình của dự án; hoạt động xây dựng nhà ở; hoạt động của các phương tiện giao thông ra vào khu đô thị; hoạt động sinh hoạt của các hộ gia đình, khu công cộng... làm phát sinh bụi, khí thải, tiếng ồn, nước thải, chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường khác, chất thải nguy hại.

3. Dự báo các tác động môi trường chính, chất thải phát sinh theo các giai đoạn của dự án đầu tư

3.1. Nước thải, khí thải

3.1.1. Nguồn phát sinh, quy mô và tính chất của nước thải

3.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của công nhân thi công trên công trường với lượng phát sinh tối đa khoảng $7,5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng, BOD_5 , COD, Sunfua, Amoni, Tổng Nitơ, Dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt anion, Tổng Phốt pho, Tổng Coliforms.

- Nước thải xây dựng phát sinh từ các hoạt động thi công, bao gồm: nước thải từ các hoạt động trộn bê tông, vệ sinh thiết bị thi công, bảo dưỡng công trình, nước xịt rửa bánh xe... với lưu lượng tối đa khoảng $18,5\text{m}^3/\text{ngày đêm}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng trong nước thải xây dựng gồm: TSS, dầu mỡ khoáng.

3.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Nước thải sinh hoạt phát sinh từ hoạt động sinh hoạt của người dân trong khu vực Dự án với tổng lượng phát sinh tối đa khoảng $600,0\text{ m}^3/\text{ngày đêm}$. Thông số ô nhiễm đặc trưng: Tổng chất rắn lơ lửng, BOD_5 , COD, Sunfua, Amoni, Tổng Nitơ, Dầu mỡ động thực vật, Chất hoạt động bề mặt anion, Tổng Phốt pho, Tổng Coliforms.

3.1.2. Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của bụi, khí thải

3.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Bụi, khí thải phát sinh từ các hoạt động san nền, đào đắp; từ quá trình hoạt động của các máy móc, phương tiện, thiết bị thi công xây dựng; từ quá trình thi

công các hạng mục công trình của Dự án; quá trình bốc dỡ và tập kết vật liệu xây dựng; bụi do đất bám theo bánh xe từ khu vực thi công ra các tuyến đường; khí thải, mùi hôi phát sinh từ các thùng đựng rác, nhà vệ sinh lưu động, khu vực lán trại... Thông số đặc trưng ô nhiễm: Tổng bụi lơ lửng (TSP), CO, SO₂, NO_x...

3.1.2.2. Giai đoạn vận hành

Bụi, khí thải phát sinh từ các phương tiện giao thông ra vào dự án, trên các tuyến đường nội bộ; hoạt động xây dựng nhà ở, mùi hôi, khí thải từ thùng đựng rác, cống thoát nước... Thông số đặc trưng ô nhiễm: Tổng bụi lơ lửng, CO, SO₂, NO_x...

3.2. *Chất thải rắn, chất thải nguy hại*

3.2.1. *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường*

3.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Chất thải rắn sinh hoạt của cán bộ, công nhân lao động trên công trường gồm giấy loại, bao bì, thức ăn thừa, các vật dụng sinh hoạt loại thải... với khối lượng khoảng 45 kg/ngày.

- Chất thải rắn phát sinh từ quá trình giải phóng mặt bằng để thi công xây dựng, bao gồm: Sinh khối thực vật như thân, cành, rễ, lá, cây bụi, thảm cỏ,... khoảng 69,4 tấn; chất thải rắn từ phá dỡ công trình, mương thủy lợi khoảng 1.500m³; đất bóc phong hoá, đất hữu cơ, đất không thích hợp với khối lượng khoảng 102.338,5 m³.

- Chất thải rắn xây dựng phát sinh từ hoạt động xây dựng với khối lượng khoảng 115 tấn/thời gian thi công. Thành phần chủ yếu gồm: gạch vụn, vữa, cát đá rơi vãi, bao bì thải bỏ, gỗ thải, kim loại thải,...

3.2.1.2. Giai đoạn vận hành:

- Chất thải rắn sinh hoạt phát sinh từ hoạt động của người dân trong khu vực Dự án với khối lượng khoảng 3.324kg/ngày đêm. Thành phần chủ yếu gồm: Rác thải hữu cơ (rau quả, thực phẩm thừa,...); rác thải vô cơ (bao nylon, vỏ lon, thủy tinh,...).

- Bùn thải phát sinh từ hoạt động nạo vét hệ thống thu gom và thoát nước mưa định kỳ khoảng 702 tấn/năm.

- Bùn phát sinh từ bể tự hoại với khối lượng khoảng 134,5 tấn/năm.

- Ngoài ra còn phát sinh chất thải rắn xây dựng từ quá trình thi công xây dựng nhà ở của người dân với thành phần chủ yếu gồm: gạch vụn, vữa, cát đá rơi vãi, gỗ thải, kim loại thải,...

3.2.2. *Nguồn phát sinh, quy mô, tính chất của chất thải nguy hại*

3.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động bảo dưỡng các máy móc, thiết bị thi công, hoạt động thi công của Dự án với khối lượng ước tính phát sinh:

lượng dầu máy phát sinh ước tính khoảng 35,7 kg dầu mỡ thải/3 tháng, lượng giẻ lau khoảng 15kg/tháng và các chất thải nguy hại khác như bóng đèn huỳnh quang, que hàn thải,... khoảng 300 kg/thời gian thi công.

3.2.2.2. Giai đoạn vận hành

Chất thải nguy hại phát sinh từ hoạt động của người dân trong khu vực dự án, chủ yếu gồm: pin thải, ắc quy thải, bóng đèn huỳnh quang thải, gãy tay, bao bì, giẻ lau dính thành phần nguy hại,... Khối lượng ước tính phát sinh khoảng 342,5 kg/tháng.

3.3. *Tiếng ồn, độ rung*

3.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng

Tiếng ồn và độ rung phát sinh trong quá trình xây dựng chủ yếu do hoạt động của phương tiện vận tải và phương tiện, máy móc thi công gây ra, đặc biệt là các thiết bị máy trộn bê tông... tại khu vực công trường và trên tuyến đường vận chuyển.

3.3.2. Giai đoạn vận hành

Tiếng ồn, độ rung phát sinh chủ yếu từ các phương tiện giao thông lưu thông trên các tuyến đường nội bộ; từ hoạt động thi công xây dựng các công trình nhà ở; tiếng ồn phát sinh ở mỗi hộ gia đình và tiếng ồn từ loa đài công cộng; tiếng ồn phát sinh từ các hoạt động thương mại dịch vụ.

4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường của dự án

4.1. *Các công trình và biện pháp thu gom, xử lý nước thải, khí thải*

4.1.1. *Đối với thu gom và xử lý nước thải*

4.1.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Đối với nước thải sinh hoạt: Lắp đặt 02 nhà vệ sinh lưu động có dung tích chứa khoảng 500 lít đặt tại khu vực công trường thi công để thu gom toàn bộ nước thải sinh hoạt của Dự án phát sinh. Hợp đồng với đơn vị có chức năng định kỳ đến hút, vận chuyển, xử lý theo đúng quy định khi đầy bể, không xả thải ra môi trường. Sau khi kết thúc giai đoạn xây dựng Chủ dự án hợp đồng với đơn vị có chức năng tiến hành bốc dỡ nhà vệ sinh di động.

- Đối với nước thải xây dựng:

+ Không tập trung nguyên vật liệu, vật tư gần các tuyến thoát nước.

+ Lót đáy khu vực trộn bê tông nếu có quá trình trộn vữa bê tông không sử dụng máy trộn.

+ Bố trí hố lắng có lót bạt kích thước $1,5 \times 1,5 \times 1\text{m}$ để thu gom nước vệ sinh dụng cụ. Nước sau khi lắng được tái sử dụng cho hoạt động thi công xây dựng. Sau quá trình xây dựng hạ tầng kỹ thuật tiến hành hoàn trả mặt bằng, lấp hố lắng.

+ Bố trí hồ lắng 02 ngăn, thể tích khoảng $12,0\text{m}^3$ ở khu vực xịt rửa bánh xe để lắng đất, cát và tách váng dầu của nước xịt rửa, nước thải sau khi tách dầu và lắng được tái sử dụng trong thi công xây dựng.

- Đối với nước mưa chảy tràn:

Bố trí hệ thống rãnh thoát nước mưa tạm và hồ lắng có kích thước $3 \times 3 \times 2\text{m}$; tổ chức thi công theo hình thức cuốn chiếu; thường xuyên dọn dẹp mặt bằng thi công; tập kết nguyên vật liệu theo tiến độ thi công, che chắn các khu vực tập kết nguyên vật liệu xây dựng và không tập trung nguyên vật liệu thi công gần rãnh thoát nước. Thường xuyên khơi thông đường thoát nước mưa trong khu vực Dự án. Trong quá trình thi công hạ tầng kỹ thuật, bố trí các tuyến mương thoát nước tạm hoặc giữ hiện trạng các tuyến mương thoát nước địa hình để đảm bảo khả năng thoát nước của khu vực.

4.1.1.2. Giai đoạn vận hành

- Đối với nước thải sinh hoạt:

+ Toàn bộ nước thải sinh hoạt phát sinh từ các hoạt động của Dự án sau khi xử lý sơ bộ được thu gom theo đường ống thoát nước thải U-PVC D315 và dẫn về trạm xử lý nước thải tập trung với công suất $600\text{m}^3/\text{ngày đêm}$ (chia thành 04 module, mỗi module có công suất $150\text{m}^3/\text{ngày đêm}$) ở phía Tây khu Dự án để xử lý.

+ Quy trình xử lý nước thải: Nước thải đầu vào → Lược rác thô → Trạm bơm chuyển bậc → Bể tách dầu mỡ → Bể điều hòa → Bể thiếu khí → Bể MBBR → Bể hiếu khí → Bể tuần hoàn nước thải → Bể lắng sinh học → Bể khử trùng → Nước thải sau khi xử lý đạt QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt và nước thải đô thị, khu dân cư tập trung (Cột B) sau đó sẽ thoát ra sông Lệ Kỳ. Điểm xả thải có tọa độ VN 2000, kinh tuyến 106^0 múi chiếu 3^0 như sau: X(m): 1928279,00; Y(m): 566421,66.

- Đối với nước mưa chảy tràn

+ Hệ thống thoát nước mưa được thiết kế riêng biệt với hệ thống thu gom, thoát nước thải.

+ Hệ thống thu gom nước mưa được xây dựng dọc theo đường giao thông qua lưới chắn rác và chảy về hệ thống hồ ga thu nước hai bên vỉa hè dọc theo tuyến đường. Đường cống dọc có đường kính D400-D1500, cống thoát nước sử dụng cống bê tông cốt thép đúc sẵn. Nước mưa được thu gom và thiết kế theo nguyên tắc tự chảy, thoát về kênh nội khu trong khu vực dự án.

4.1.1.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

- Thu gom và xử lý toàn bộ nước thải phát sinh trong giai đoạn thi công xây dựng và trong quá trình hoạt động của dự án đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10 tháng 01 năm 2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP và các quy định pháp luật khác có liên quan.

- Đảm bảo đáp ứng các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.1.2. Đối với xử lý bụi, khí thải

4.1.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Áp dụng biện pháp thi công đào, đắp và san lấp tạo mặt bằng theo hình thức cuốn chiếu, thi công đến đâu tiến hành san nền, vận chuyển nguyên vật liệu về khu vực công trình đến đó.

- Che chắn các bãi tập kết nguyên vật liệu chưa dùng đến bằng bạt hoặc tôn để hạn chế bụi cuốn khi có gió.

- Bố trí khu vực rửa xe trong khu vực dự án phía tiếp giáp ra tuyến đường vận chuyển để xịt rửa bánh xe vận chuyển ra vào dự án. Tiến hành rải lớp đá dăm chiều dài từ 20 - 30m trên tuyến đường ra vào dự án để hạn chế bùn đất bám theo bánh xe.

- Che phủ kín thùng xe vận chuyển để hạn chế khả năng bụi cuốn, rơi vãi, đồng thời làm vệ sinh quanh thùng xe trước khi khởi hành.

- Bố trí lịch vận chuyển, cung cấp vật tư hợp lý, không tập trung xe vận chuyển vào giờ cao điểm trên tuyến đường từ khu vực dự án ra các tuyến đường xung quanh để hạn chế sự cộng hưởng nồng độ khí thải do quá trình phát thải từ động cơ, bụi cuốn bánh xe.

- Xe vận chuyển phục vụ dự án phải thực hiện đúng quy định về tải trọng khi lưu thông và tuân thủ biển báo tốc độ, luật an toàn giao thông, không chế tốc độ xe khi ra vào dự án.

- Bố trí xe tưới nước phun ẩm đoạn đường vào khu vực dự án, dọc theo các tuyến đường vận chuyển phục vụ thi công dự án đoạn đi qua khu dân cư. Tần suất phun ẩm phù hợp tùy thuộc vào điều kiện thời tiết, tăng tần suất phun ẩm vào những ngày thời tiết nắng to, khô hanh, nhiều gió.

- Phun ẩm tại các khu vực có khả năng phát tán bụi lớn trên công trường (vị trí tập kết đất đá dăm, các vị trí thực hiện đào đắp, trên các đoạn đường vận chuyển nguyên vật liệu trong vùng dự án), tần suất phun ẩm tùy thuộc vào điều kiện thời tiết cụ thể, tăng tần suất phun ẩm vào các thời điểm hanh khô, nắng, gió lớn.

- Bố trí công nhân thường xuyên quét dọn, vệ sinh đất, cát, nguyên vật liệu rơi vãi do xe vận chuyển gây ra, đặc biệt tại các nút giao cắt trên tuyến đường vận chuyển qua khu dân cư.

- Sử dụng tôn cao 2,5m che chắn xung quanh ranh giới thực hiện dự án đặc biệt khu vực tiếp giáp dân cư.

- Trang bị cho công nhân đầy đủ các trang thiết bị lao động như kính mắt, khẩu trang, găng tay,...để đảm bảo sức khỏe lao động.

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển đã được đăng kiểm để giảm tiêu hao nhiên liệu, giảm lượng khí thải phát sinh trong quá trình vận chuyển.

4.1.2.2. Giai đoạn vận hành

- Bố trí hợp lý cây xanh trong khu vực Dự án; hạn chế tốc độ xe chạy trong khu vực Dự án; quét dọn và vệ sinh đường phố thường xuyên.
- Trang bị các thùng chứa chất thải rắn có nắp đậy. Hợp đồng với đơn vị có chức năng để thu gom, vận chuyển rác hàng ngày.
- Khuyến khích người dân trồng thêm cây xanh tại các hộ gia đình để tạo môi trường trong lành.
- Các hố ga được thiết kế có nắp đậy kín bên trên và được nạo vét thu gom bùn, bảo trì theo đúng quy định.
- Các hộ dân khi xây dựng nhà ở cần áp dụng các biện pháp chống bụi thi công, phun ẩm giảm bụi, che chắn vật liệu xây dựng để hạn chế bụi cuốn khi có gió.

4.1.2.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường

- Tiến hành trồng cây xanh với mật độ đảm bảo theo quy định tại những vị trí thích hợp để tạo cảnh quan và hạn chế bụi, tiếng ồn gây ảnh hưởng môi trường xung quanh.
- Thực hiện các biện pháp giảm thiểu tác động của bụi, khí thải và mùi hôi phát sinh bởi Dự án trong giai đoạn thi công xây dựng và vận hành, đáp ứng các điều kiện về vệ sinh môi trường, QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí.

4.2. Các công trình, biện pháp quản lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

4.2.1. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải rắn thông thường:

4.2.1.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Chất thải rắn sinh hoạt: Bố trí 03 thùng rác di động 100 lít có nắp đậy tại khu vực lán trại của công nhân để thu gom, phân loại chất thải phát sinh và hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển, xử lý hàng ngày theo đúng quy định. Tuyên truyền, giáo dục nâng cao ý thức bảo vệ môi trường cho cán bộ, công nhân xây dựng, không vứt rác bừa bãi mà tự thu gom vào các thùng chứa rác theo quy định.

- Chất thải rắn thông thường khác

+ Đối với thực vật phát sinh từ quá trình phát quang, giải phóng mặt bằng: Phần thân gỗ cây có sinh khối lớn được cắt, thu gom và bán cho các đơn vị có nhu cầu thu mua. Đối với phần thân nhỏ, cành, lá có thể tận dụng cho người dân khu vực sử dụng vào mục đích sinh hoạt. Phần còn lại không tận dụng được thì hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

+ Đối với chất thải rắn thi công xây dựng: Chất thải rắn xây dựng có khả năng tái sử dụng, tái chế như sắt, thép loại, vỏ bao xi măng... loại thải được thu gom và bán cho các đơn vị thu mua phế liệu. Đất, cát, xi măng, gạch vỡ,... được

thu gom và tận dụng cho hoạt động xây dựng. Các loại không tận dụng được phải thu gom và hợp đồng với đơn vị có chức năng để vận chuyển đi xử lý định kỳ theo quy định. Chất thải xây dựng phải được thu gom, dọn dẹp hoàn toàn sau khi thi công xong bất kỳ hạng mục nào của Dự án.

+ Đối với đất bóc phong hóa, đất hữu cơ tận dụng đắp tại các khu đất cây xanh trong khuôn viên dự án.

4.2.1.2. Giai đoạn vận hành

- Chất thải rắn sinh hoạt: Tuyên truyền người dân thực hiện thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt tại nguồn theo đúng quy định. Bố trí các thùng có nắp đậy để thu gom, phân loại chất thải rắn sinh hoạt. Chủ dự án phối hợp với đơn vị có liên quan, chính quyền địa phương bố trí các điểm tập kết rác phù hợp theo đúng quy định để thu gom chất thải. Hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý định kỳ theo đúng quy định.

- Bùn thải từ bể tự hoại, hệ thống thu gom và thoát nước mưa, hệ thống xử lý nước thải định kỳ thuê đơn vị có chức năng đến nạo vét, hút và vận chuyển đi xử lý theo đúng quy định.

- Đối với chất thải rắn xây dựng từ quá trình thi công xây dựng nhà ở của người dân phải hợp đồng với đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý theo đúng quy định.

4.2.1.3. Yêu cầu bảo vệ môi trường

Thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại chất thải rắn thông thường, chất thải sinh hoạt trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường.

4.2.2. Công trình, biện pháp thu gom, lưu giữ, quản lý, xử lý chất thải nguy hại

4.2.2.1. Giai đoạn thi công xây dựng

- Các loại chất thải nguy hại được thu gom, phân loại và lưu trữ trong các thùng chứa chất thải nguy hại chuyên dụng dung tích 100 lít có nắp đậy kín, đảm bảo không rò rỉ, không phát tán ra môi trường.

- Các thùng chứa được lưu giữ trong kho chứa chất thải nguy hại tạm thời trên công trường có diện tích 5m². Kho chứa chất thải nguy hại có mái che, tường bằng tôn, có biển cảnh báo khu vực chứa chất thải nguy hại theo quy định.

- Hợp đồng với đơn vị có đầy đủ chức năng về thu gom, vận chuyển, xử lý chất thải nguy hại để định kỳ đưa đi xử lý theo đúng quy định.

4.2.2.2. Giai đoạn vận hành

Mỗi hộ gia đình, cá nhân, tổ chức thực hiện phân loại chất thải nguy hại tại nguồn, bố trí thùng chứa chất thải nguy hại riêng biệt có nắp đậy kín và thực hiện chuyển giao cho đơn vị có chức năng thu gom, vận chuyển xử lý chất thải nguy hại theo đúng quy định.

4.2.2.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Thiết kế đúng quy cách khu lưu giữ CTNH và thu gom, lưu giữ, vận chuyển, xử lý toàn bộ các loại CTNH trong quá trình thi công xây dựng và vận hành Dự án bảo đảm các yêu cầu về an toàn và vệ sinh môi trường theo quy định của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường; Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 08/2022/NĐ-CP; Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT ngày 10/01/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, được sửa đổi, bổ sung tại Thông tư số 07/2025/TT-BTNMT ngày 28/02/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài nguyên và Môi trường và các quy định pháp luật khác có liên quan.

4.3. Công trình, biện pháp giảm thiểu tác động do tiếng ồn, độ rung

4.3.1. Giai đoạn thi công xây dựng:

- Sử dụng các phương tiện vận chuyển, máy thi công hiện đại, đã được đăng ký đăng kiểm định kỳ nhằm đảm bảo tiếng ồn, độ rung nằm trong giới hạn cho phép.

- Chú trọng chế độ bảo dưỡng thiết bị, máy móc, bảo đảm các yêu cầu về kỹ thuật nhằm hạn chế khả năng gây ồn và rung do thiết bị thi công tạo ra.

- Lập kế hoạch thi công hợp lý, thực hiện phân công công việc phù hợp, không tập trung các phương tiện, máy móc hoạt động cùng lúc tại một vị trí thi công nhằm hạn chế phát sinh cộng hưởng tiếng ồn, độ rung.

- Công nhân làm việc ở những vị trí có độ ồn lớn phải trang bị mũ hoặc nút tai chống ồn nhằm đảm bảo cho công nhân làm việc.

4.3.2. Giai đoạn vận hành:

- Tuyên truyền ý thức giữ gìn an ninh, trật tự cho cư dân.

- Quy định giờ giấc giới hạn đối với việc mở loa đài trong các hoạt động vui chơi, hội hè, có sử dụng loa công suất lớn ở khu vực công cộng.

Bố trí cây xanh dọc các tuyến đường trong khuôn viên dự án để điều hòa vi khí hậu cho dự án, tạo cảnh quan và tạo môi trường trong lành, thoáng đãng cho khu vực.

- Giám sát các phương tiện động cơ khi lưu thông trong khuôn viên Dự án, tuân thủ tốc độ khi đi trong các tuyến đường nội bộ của Dự án.

4.3.3. Yêu cầu về bảo vệ môi trường

Tuân thủ QCVN 26:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn, QCVN 27:2025/BNNT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về độ rung và các quy chuẩn môi trường hiện hành khác có liên quan, đảm bảo các điều kiện an toàn, vệ sinh môi trường trong quá trình xây dựng và vận hành dự án.

4.4. Các công trình, biện pháp bảo vệ môi trường khác

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố cháy nổ: Trang bị các phương tiện phòng cháy, chữa cháy tại dự án; tập huấn công tác phòng cháy, chữa cháy và phổ biến kiến thức phòng cháy, chữa cháy cho cán bộ, công nhân viên và người dân tại khu vực Dự án; thực hiện nghiêm chỉnh các quy chuẩn quy phạm, quy định về phòng cháy, chữa cháy; lắp đặt biển báo cấm không sử dụng lửa tại các khu vực có nguy cơ xảy ra cháy.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố tai nạn lao động: Tập huấn cho công nhân về thực hiện nghiêm túc các quy định về công tác an toàn lao động, tuân thủ theo quy định về sử dụng, vận hành, bảo dưỡng, bảo quản các thiết bị, máy móc; lắp đặt biển cảnh báo tại những vị trí có nguy cơ xảy ra tai nạn lao động; sử dụng các máy móc, thiết bị được kiểm định, bảo đảm an toàn theo quy định hiện hành; trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho người lao động làm việc trên công trường; bố trí trang thiết bị cần thiết để vận chuyển người bị nạn tới cơ sở y tế.

- Biện pháp phòng ngừa, ứng phó sự cố lún, nứt công trình hạ tầng xung quanh: Đầu tư xây dựng các hạng mục công trình của Dự án theo đúng thiết kế được cơ quan chức năng có thẩm quyền phê duyệt; định kỳ thực hiện giám sát nguy cơ gây lún, nứt các công trình khu vực Dự án trong suốt quá trình thi công. Trường hợp xảy ra lún, nứt hoặc tiềm ẩn nguy cơ lún, nứt ảnh hưởng các công trình hạ tầng, nhà cửa và các công trình khác phải dừng mọi hoạt động có liên quan, phối hợp với chính quyền địa phương và các cơ quan chức năng có liên quan khắc phục tình hình và đền bù mọi thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ra theo quy định của pháp luật.

- Biện pháp phòng ngừa và ứng phó sự cố ngập úng: Thường xuyên kiểm tra, khơi thông các dòng chảy, thông tắc các cống rãnh thoát nước đảm bảo không để nước đọng gây ngập úng.

- Yêu cầu về bảo vệ môi trường: lập kế hoạch cụ thể, chi tiết và thực hiện nghiêm túc các biện pháp quản lý và kỹ thuật để phòng ngừa, ứng phó sự cố môi trường, sự cố cháy, nổ và các rủi ro, sự cố môi trường khác trong toàn bộ quá trình hoạt động của Dự án.

5. Chương trình quản lý và giám sát môi trường của chủ dự án đầu tư

Chủ dự án đề xuất chương trình quản lý và giám sát môi trường của Dự án như sau:

5.1. Chương trình quản lý môi trường

Chủ dự án xây dựng chương trình quản lý môi trường chi tiết của Dự án đảm bảo thực hiện các biện pháp giảm thiểu các động xấu đến môi trường nêu

tại Mục 4 trong Phụ lục của Quyết định này và tuân thủ các quy định về bảo vệ môi trường trong quá trình triển khai thực hiện Dự án.

5.2. Giám sát môi trường trong giai đoạn thi công xây dựng

5.2.1. Giám sát chất lượng không khí, tiếng ồn

- Chỉ tiêu giám sát: Tổng bụi lơ lửng, độ ồn, độ rung, CO, NO₂, SO₂.
- Vị trí giám sát:
 - + KK₁: Vị trí trung tâm khu vực dự án;
 - + KK₂: Vị trí khu vực ra vào dự án trên tuyến đường Quốc lộ 1A.
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 05:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh; QCVN 26:2025/BNNMT- Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tiếng ồn.

5.1.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, COD, Amoni (tính theo N), BOD₅, Nitrit (tính theo N), Chloride (Cl⁻), Tổng P, Tổng N, Tổng dầu mỡ, Tổng Coliform.
- Vị trí giám sát:
 - + NM: Tại kênh nước phía Bắc khu vực thực hiện dự án
- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.
- Quy chuẩn áp dụng: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Mức B).

5.1.3. Giám sát công tác thu gom và xử lý chất thải rắn, chất thải nguy hại

- Thông số giám sát: Khối lượng, chủng loại và hóa đơn, chứng từ giao nhận chất thải.
- Vị trí giám sát: Khu vực lưu giữ chất thải rắn thông thường, chất thải nguy hại.
- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục.
- Quy định áp dụng: Luật Bảo vệ môi trường 2020, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP, Nghị định 05/2025/NĐ-CP và Nghị định 48/2026/NĐ-CP, Thông tư số 02/2022/TT-BTNMT và Thông tư 07/2025/TT-BTNMT và các quy định khác có liên quan.

- Định kỳ chuyển giao chất thải rắn sinh hoạt, chất thải rắn thông thường và chất thải nguy hại cho đơn vị có đầy đủ năng lực, chức năng thu gom, vận chuyển và xử lý theo đúng quy định.

5.1.4. Giám sát các vấn đề môi trường khác

- Vị trí giám sát: Toàn bộ khu vực Dự án.

- Nội dung giám sát: Các biện pháp phòng ngừa, giảm thiểu theo Báo cáo đánh giá tác động môi trường được phê duyệt.

- Tần suất giám sát: Thường xuyên và liên tục trong quá trình thi công.

5.3. Chương trình giám sát môi trường trong giai đoạn hoạt động

5.3.1. Giám sát chất lượng nước thải

- Chỉ tiêu giám sát: Lưu lượng, pH, nhiệt độ, BOD₅, COD, TSS, Amoni, Tổng Nitơ, Tổng Phốt pho, Sunfua, Dầu mỡ động, thực vật, Chất hoạt động bề mặt anion, Tổng Coliform.

- Vị trí lấy mẫu phân tích:

+ N1: Đầu vào của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

+ N2: Đầu ra của hệ thống xử lý nước thải tập trung.

- Tần suất giám sát: 3 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn so sánh: QCVN 14:2025/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về nước thải sinh hoạt, nước thải đô thị và khu dân cư tập trung (cột B, F≤2.000).

5.3.2. Giám sát chất lượng nước mặt

- Chỉ tiêu giám sát: pH, TSS, COD, Amoni, BOD₅, Nitrit, Chloride, Tổng P, Tổng N, Tổng dầu mỡ, Tổng Coliform.

- Vị trí giám sát: Tại sông Lệ Kỳ đoạn xả thải của hệ thống xử lý nước thải;

- Tần suất giám sát: 6 tháng/lần, khi có sự cố hoặc theo yêu cầu của cơ quan quản lý Nhà nước về môi trường.

- Quy chuẩn đánh giá: QCVN 08:2023/BTNMT - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng nước mặt (Mức B).

6. Các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác

Chủ dự án có trách nhiệm thực hiện các yêu cầu về bảo vệ môi trường khác như sau:

- Thực hiện các thủ tục về đất đai, xây dựng theo quy định của pháp luật hiện hành trước khi triển khai xây dựng Dự án; công khai rộng rãi cho chính quyền địa phương, cộng đồng dân cư biết về các hoạt động thi công của Dự án; thiết lập hệ thống biển báo, cấm mố giới các địa bàn thi công và thông tin cho chính quyền địa phương và các cơ quan, tổ chức có liên quan biết trước khi tiến hành hoạt động thi công, xây dựng.

- Tuân thủ các tiêu chuẩn, quy chuẩn kỹ thuật quốc gia và các quy định pháp luật hiện hành trong quá trình xây dựng, thẩm định và phê duyệt thiết kế các hạng mục, công trình của dự án; thiết kế và vị trí xây dựng các hạng mục

công trình của Dự án phải được cơ quan nhà nước có thẩm quyền chấp thuận và đảm bảo tuân thủ quy định tại QCVN 01:2021/BXD - Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về quy hoạch xây dựng và các quy định liên quan.

- Công khai báo cáo đánh giá tác động môi trường đã được phê duyệt kết quả thẩm định theo quy định tại Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường, Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06 tháng 01 năm 2025 của Chính phủ và các quy định liên quan.

- Trong quá trình chuẩn bị, triển khai thực hiện dự án đầu tư trước khi vận hành, trường hợp có thay đổi so với quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường, chủ dự án đầu tư có trách nhiệm thực hiện theo đúng quy định tại Luật Bảo vệ môi trường năm 2020; Nghị định số 08/2022/NĐ-CP ngày 10/01/2022 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Bảo vệ môi trường được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 05/2025/NĐ-CP ngày 06/01/2025 của Chính phủ và các quy định có liên quan.

- Thực hiện đầy đủ, nghiêm túc các biện pháp bảo vệ môi trường như đã cam kết trong Báo cáo đánh giá tác động môi trường để giảm thiểu tối đa ô nhiễm bụi, tiếng ồn, độ rung, khí thải, mùi hôi, nước thải, nước mưa chảy tràn, chất thải nguy hại và chất thải rắn phát sinh trong quá trình thực hiện dự án; đảm bảo không gây ảnh hưởng đến chất lượng môi trường và cộng đồng dân cư xung quanh.

- Lập kế hoạch và đảm bảo các phương án cần thiết để phòng ngừa và ứng phó sự cố môi trường trong quá trình hoạt động của Dự án. Chịu trách nhiệm trước pháp luật và bồi thường toàn bộ thiệt hại do hoạt động của Dự án gây ra.

- Xây dựng, đầu nối và vận hành mạng lưới thu gom, thoát nước mưa, nước thải và xử lý nước thải đảm bảo các yêu cầu về tiêu thoát nước và các điều kiện vệ sinh môi trường trong quá trình thi công xây dựng và vận hành dự án.

- Thực hiện đầy đủ các nội dung của chương trình quản lý và giám sát theo nội dung trong báo cáo đánh giá tác động môi trường sau khi được phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường. Số liệu giám sát phải được cập nhật và lưu giữ để cơ quan quản lý nhà nước thanh tra, kiểm tra.

- Áp dụng các biện pháp kỹ thuật và tổ chức thi công phù hợp để hạn chế tối đa các tác động xấu đến cảnh quan, môi trường, hệ sinh thái, các công trình xây dựng và đời sống kinh tế, xã hội của cộng đồng dân cư trong quá trình thi công xây dựng, vận hành các hạng mục công trình của Dự án; chủ động phối hợp với cơ quan chức năng, cộng đồng dân cư để phòng ngừa, giải quyết các vấn đề môi trường phát sinh trong quá trình hoạt động của Dự án; Chủ dự án phải đền bù những thiệt hại môi trường do Dự án gây ra theo Luật Bảo vệ môi trường và theo quy định của pháp luật hiện hành liên quan.

- Thực hiện các biện pháp phù hợp để giảm thiểu tác động của Dự án đến các hoạt động giao thông; thực hiện kịp thời công tác phục hồi cảnh quan môi trường địa bàn thi công, bảo đảm đáp ứng các yêu cầu về an toàn vệ sinh môi

trường trong quá trình thực hiện Dự án. Thực hiện cải tạo, sửa chữa, khôi phục các công trình hạ tầng kỹ thuật bị hư hỏng, xuống cấp được xác định do hoạt động của dự án.

- Thực hiện nghiêm túc trách nhiệm của chủ Dự án sau khi có Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường theo đúng quy định; Chỉ được đưa Dự án vào vận hành sau khi hoàn thành các công trình bảo vệ môi trường.

- Đảm bảo tính chính xác và chịu trách nhiệm trước pháp luật về các thông tin, số liệu và kết quả tính toán trong báo cáo đánh giá tác động môi trường, đặc biệt là kết quả quan trắc đánh giá hiện trạng môi trường, danh sách các thành viên tham gia thực hiện lập báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án.

- Điều chỉnh, bổ sung nội dung của dự án đầu tư và báo cáo đánh giá tác động môi trường cho phù hợp với nội dung, yêu cầu về bảo vệ môi trường được nêu trong quyết định phê duyệt kết quả thẩm định báo cáo đánh giá tác động môi trường.

- Quyết định phê duyệt kết quả thẩm định Báo cáo đánh giá tác động môi trường của Dự án là căn cứ để cấp có thẩm quyền xem xét, quyết định các bước tiếp theo của Dự án theo quy định./.